

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **127**/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2022

*“V/v Không công nhận
quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định.
Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu -
Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, về việc *“Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Cù Xuân L, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu dân cư Nội, phường TD, thành phố CL, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Nội, phường TD, thành phố CL, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Cù Thế C, sinh ngày 10/02/1993,

Địa chỉ: Khu dân cư Nội, phường TD, thành phố CL, tỉnh Hải Dương (đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Cù Xuân L trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Ông và bà Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chung sống cùng nhau như vợ chồng từ ngày 06/02/1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới, ông bà về chung sống cùng bố mẹ ông. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng ông bà cũng vẫn cố gắng khắc phục. Tháng 9/2009, để cải thiện tình hình kinh tế gia đình, vợ chồng ông thống nhất để bà T sang xuất khẩu lao động tại Đài Loan trong 3 năm, nhưng vừa sang Đài Loan được 03 ngày thì bà T đã bỏ trốn khỏi công ty. Kể từ khi đi, vợ chồng xa cách nhau dẫn đến ngày càng bất đồng quan điểm sống, không có sự thấu hiểu, chia sẻ, bà T không muốn về nước để đoàn tụ với bố con ông mà giục ông làm thủ tục ly hôn và khuyên ông đi lấy vợ mới. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng ông, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, ông cũng nhờ bạn bè, người thân và con cái tác động để bà T ra đầu thú về đoàn tụ với gia đình nhưng bà T không nghe. Kể từ khi sang Đài Loan làm ăn đến nay, bà T chưa về nước lần nào. Từ năm 2014, đến nay ông không còn liên lạc được với bà T nữa. Vợ chồng ông sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

- *Về con chung*: Ông và bà T có 02 con chung là Cù Thế C, sinh ngày 10/02/1993 và Cù Thị Ngọc A, sinh ngày 23/4/2007. Hiện cháu C đã trưởng thành, lập gia đình riêng, khỏe mạnh, phát triển bình thường và tự chăm lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu A hiện đang ở cùng ông và có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở cùng ông. Ông hiện đang làm lao động tự do, thu nhập trung bình khoảng 08 triệu đồng/tháng, có nhà riêng và chỉ có hai bố con ở cùng nhau, đủ điều kiện để chăm sóc được cho cháu A tốt nhất. Do đó ông đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do ông L không cung cấp được địa chỉ của bà T tại Đài Loan nên Tòa án đã xác minh qua gia đình bà T, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của bà T. Anh Cù Thế C là con trai của ông L, bà T xác định: Bà T (mẹ anh) hiện làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nhưng anh không biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên,

mẹ anh thường xuyên liên lạc về gia đình. Anh đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho mẹ anh biết. Anh chỉ biết bố mẹ anh chung sống với nhau và có 02 con chung là anh và em Ngọc A chứ chưa bao giờ nhìn thấy Giấy chứng nhận kết hôn của bố mẹ anh. Kể từ khi mẹ anh đi Đài Loan thì mẹ anh và bố anh không còn liên lạc với nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Việc bố anh làm đơn xin ly hôn với mẹ anh, anh đã thông báo cho mẹ anh biết. Quan điểm của mẹ anh nhất trí ly hôn theo đề nghị của bố anh và nhất trí để bố anh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc em Cù Thị Ngọc A, mẹ anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bố anh. Mẹ anh xác định ông bà không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Tại phiên tòa:

Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Bà T, anh C vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cù Xuân L và bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao con chung là Cù Thị Ngọc A, sinh ngày 23/4/2007 cho ông L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng cho con.

- Về án phí: Ông Cù Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Cù Xuân L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà Nguyễn Thị T. Bà T hiện đang

sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L không cung cấp được địa chỉ của bà T tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu ông L và gia đình bà T cung cấp địa chỉ, nhưng ông L và gia đình bà T không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Ông L, bà T, anh C đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Cù Xuân L và bà Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện tổ chức đám cưới và chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân phường TD, thành phố CL, tỉnh Hải Dương xác định đã tra cứu sổ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân phường TD hiện đang lưu tại xã nhưng không thấy ông L đăng ký kết hôn với bà T. Như vậy, xác nhận của Ủy ban nhân dân phường TD trùng khớp với ý kiến trình bày của ông L và bà T là ông bà chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhiều năm, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, đến nay quan hệ tình cảm giữa các bên thực sự không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa ông L và bà T.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Ông L và bà T có 02 con chung là Cù Thế C, sinh ngày 10/02/1993 và Cù Thị Ngọc A, sinh ngày 23/4/2007, hiện anh C đã trưởng thành, lập gia đình riêng, khỏe mạnh, phát triển bình thường và tự chăm lo được cho bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu A đang cùng ông L và có nguyện vọng xin được ở cùng ông L. Ông L đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, bà T cũng nhất trí. Xét thực tế, bà T đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho ông L nuôi dưỡng là phù hợp. Ông L tự nguyện không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền

nuôi con chung cùng ông. Xét ông L có thu nhập ổn định nên cần chấp nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bà T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cù Xuân L và bà Nguyễn Thị T.

[2]. Về con chung: Giao cho ông Cù Xuân L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Cù Thị Ngọc A, sinh ngày 23/4/2007, thời gian từ tháng 7/2022 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Cù Xuân L không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông.

Bà Nguyễn Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Ông Cù Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000058 ngày 18/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (Ông L đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Ông Cù Xuân L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND phường TD, TP Chí Linh;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS, VP, Tòa GĐ&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa